

Số: 41 /BB-HĐXTN

Hà Giang, ngày 23 tháng 5 năm 2018

BIÊN BẢN
Họp Hội đồng xét tốt nghiệp
lớp Trung cấp LLCT-HC B90 (hệ vừa làm vừa học) – Huyện Quang Bình

Vào hồi 17h20' ngày 23/5/2018, Hội đồng xét tốt nghiệp lớp Trung cấp Lý luận chính trị - hành chính B90 huyện Quang Bình họp xét điều kiện tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho học viên thi tại Hội đồng thi tốt nghiệp lớp Trung cấp Lý luận chính trị - hành chính B90 (hệ vừa làm vừa học) huyện Quang Bình.

Địa điểm: Phòng 201 - Nhà D - Trường Chính trị tỉnh Hà Giang

Thành phần: Theo Quyết định số 141/QĐ-TCT, ngày 11/5/2018 gồm 13 đồng chí, có mặt 9/13 đồng chí, vắng 04 đồng chí (Nguyễn Sơn Hải, Phạm Sỹ Hùng, Triệu Thị Oanh, Trịnh Diệu Bình – có lý do).

Chủ tọa: Đ/c Trương Văn Thắng - Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng;

Thư ký: Đ/c Trần Văn Đình - Trưởng phòng Đào tạo, ủy viên thư ký.

Nội dung:

1. Đồng chí Trần Văn Đình - thư ký hội đồng báo cáo kết quả học tập của học viên tại hội đồng thi tốt nghiệp lớp Trung cấp LLCT-HC B90 (hệ vừa làm vừa học) – huyện Quang Bình.

- Tổng số học viên đề nghị xét tốt nghiệp là 85 học viên trong đó:

+ Số học viên đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp là 82 học viên, trong đó xếp loại giỏi 02 học viên, khá 34 học viên, trung bình 46 học viên. Có 08 học viên: (Thắm Thị Chinh, Hứa Thị Thu, Hoàng Thị Hạnh, Sầm Thị Hòa, Nguyễn Văn Út, Hoàng Đại Lượng, Hoàng Thị Chuyên, Nguyễn Trung Dũng) xếp loại khá nhưng có 01 điểm thi tốt nghiệp dưới 6 (phần IV- Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội).

+ Số học viên không đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp là 03 học viên, lý do cả 03 học viên có điểm 1 thi tốt nghiệp đạt dưới 5 (là Hoàng Thanh Hà: điểm thi tốt nghiệp phần III.2 được 2,5 điểm; Nguyễn Văn Sang: điểm thi tốt nghiệp phần III.2 được 2,5 điểm; Hoàng Trung Thủy: điểm thi tốt nghiệp phần III.2 được 2,0 điểm).

Phòng Đào tạo đề nghị Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho 82 (tám mươi hai) học viên tại hội đồng thi tốt nghiệp lớp Trung cấp LLCT - HC B90 (hệ vừa làm vừa học) huyện Quang Bình. Trong đó xếp loại giỏi 02 học

viên, khá 34 học viên, trung bình 46 học viên và 03 học viên có điểm 1 thi tốt nghiệp đạt dưới 5 không được công nhận tốt nghiệp là Hoàng Thanh Hà; Nguyễn Văn Sang và Hoàng Trung Thủy.

2. Căn cứ Quy chế đánh giá và quản lý kết quả học tập của học viên Trung cấp lý luận chính trị - hành chính của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Ban hành kèm theo Quyết định số 1855/QĐ-HVCQG, ngày 21/4/2017 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh); Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện của học viên.

Hội đồng thảo luận và kết luận: Nhất trí và đề nghị Hiệu trưởng công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho 82 (tám mươi hai) học viên tại hội đồng thi tốt nghiệp lớp Trung cấp LLCT - HC B90 (hệ vừa làm vừa học) huyện Quang Bình, trong đó xếp loại giỏi 02 học viên, khá 26 học viên, trung bình 46 học viên (có danh sách kèm theo). Có 03 học viên không được công nhận tốt nghiệp (có danh sách kèm theo).

Biểu quyết nhất trí: 9/13 đồng chí = 69,23%.

3. Tổ chức thực hiện

- Phòng Đào tạo soạn thảo Quyết định công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cho học viên tại hội đồng thi tốt nghiệp lớp Trung cấp Lý luận chính trị - hành chính B90 (hệ vừa làm vừa học) huyện Quang Bình - trình Hiệu trưởng.

- Phòng Đào tạo phối hợp với Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện Quang Bình chuẩn bị các điều kiện bế giảng và tổ chức bế giảng theo kế hoạch.

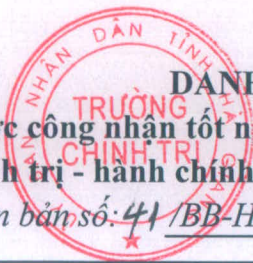
Hội nghị kết thúc vào hồi 17h35' cùng ngày và Biên bản đã được thông qua./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;
- Các thành viên HĐXTN;
- Chủ nhiệm lớp;
- Phòng Đào tạo;
- Lưu: VT, HS. 

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỌA

TRƯỜNG
CHÍNH TRỊ
HIỆU TRƯỞNG
Trương Văn Thắng



DANH SÁCH
Học viên được công nhận tốt nghiệp tại Hội đồng thi tốt nghiệp
lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính B90 huyện Quang Bình (hệ vừa làm vừa học)
(kèm theo Biên bản số: 41 /BB-HĐXTN, ngày 23 tháng 5 năm 2018)

Stt	Họ và tên		Phần I		Phần II	Phần III		Phần IV	Phần V			Phần VI	Điểm bài thu hoạch NCTT	Điểm viết TL, thi TN	Trung bình	Điểm cộng BCS	Trung bình cộng	Xếp loại	Ghi chú
			I.1	I.2		III.1	III.2		V.1	V.2	V.3								
1	Nguyễn Tuấn	Son	7,75	8,00	7,50	7,50	7,25	7,00	8,00	8,00	8,00	7,00	7,00	9,00	7,86	0,50	8,36	Giỏi	
2	Lý Văn	Ba	7,50	7,50	8,00	7,50	7,50	7,00	8,00	7,50	7,50	7,50	7,25	9,00	7,84	0,30	8,14	Giỏi	
3	Khuất Thị Thanh	Dung	8,00	7,00	7,75	8,25	7,25	7,25	7,75	8,00	7,50	8,00	7,50	9,00	7,95		7,95	Khá	
4	Trần Xuân	Tiến	8,00	6,00	8,00	8,25	7,50	7,00	8,00	8,00	8,00	7,75	7,00	9,00	7,89		7,89	Khá	
5	Ngô Công	Nhật	7,25	7,50	7,50	8,00	7,75	7,00	7,50	7,50	7,00	7,50	7,50	9,00	7,79		7,79	Khá	
6	Lưu Thị Phương	Thảo	7,50	7,00	8,50	7,50	7,75	7,25	8,00	7,75	7,25	7,25	7,75	8,50	7,79		7,79	Khá	
7	Nguyễn Minh	Tân	7,50	7,00	8,50	7,00	7,00	8,00	7,50	7,75	7,00	8,00	8,00	8,50	7,77		7,77	Khá	
8	Hoàng Thu	Huyền	7,00	7,00	8,50	7,50	7,50	7,25	7,25	8,00	8,00	7,50	7,50	8,50	7,75		7,75	Khá	
9	Phạm Thị Ngọc	Hà	7,00	7,50	7,50	8,00	7,50	7,00	7,75	7,00	8,00	8,00	7,00	8,50	7,70		7,70	Khá	
10	Lê Thanh	Tuấn	7,50	6,50	8,25	7,00	7,50	7,50	8,00	7,50	7,50	8,00	8,25	7,92	7,66		7,66	Khá	
11	Lèng Thị	Dung	6,75	8,00	7,50	7,50	8,00	8,00	8,00	8,00	7,25	7,75	5,00	8,50	7,66		7,66	Trung bình	Phần VII < 6
12	Hoàng Thị	Phương	6,50	8,00	7,25	8,50	7,25	7,00	7,75	7,50	7,25	8,00	7,00	8,00	7,57		7,57	Khá	
13	Trương Văn	Dương	6,50	7,00	8,00	8,00	8,00	7,25	7,50	7,25	7,25	7,50	5,75	8,50	7,54		7,54	Trung bình	Phần VII < 6
14	Thắm Thị	Chinh	7,50	7,00	7,50	8,00	7,50	6,50	8,00	8,00	7,50	7,25	6,50	6,58	7,21	0,30	7,51	Trung bình	TN phần III.2 < 6
15	Nguyễn Xuân	Thanh	7,00	6,50	7,00	7,00	8,00	7,50	8,00	7,00	8,00	7,00	7,25	8,17	7,48		7,48	Khá	
16	Hoàng Thị	Duynh	6,25	7,00	8,25	8,50	7,00	6,00	7,50	8,00	7,75	7,75	7,50	7,75	7,48		7,48	Khá	

Stt	Họ và tên		Phần I		Phần II	Phần III		Phần IV	Phần V			Phần VI	Điểm bài thu hoạch NCTT	Điểm viết TL, thi TN	Trung bình	Điểm cộng BCS	Trung bình cộng	Xếp loại	Ghi chú
			I.1	I.2		III.1	III.2		V.1	V.2	V.3								
17	Hoàng Vĩnh	An	6,75	7,00	8,00	7,50	6,75	7,25	7,50	7,50	7,25	7,50	8,50	7,42	7,41		7,41	Khá	
18	Lý Thị	Coi	7,25	7,00	7,00	7,50	7,00	7,00	7,50	8,00	7,50	7,00	7,50	7,67	7,38		7,38	Khá	
19	Nguyễn Thị	Hằng	6,75	6,50	7,00	7,50	8,00	7,25	7,50	7,25	7,75	7,50	7,75	7,50	7,38		7,38	Khá	
20	Hoàng Thị	Hường	7,75	7,00	7,75	6,50	7,00	6,75	7,25	7,00	7,00	7,25	5,00	9,00	7,38		7,38	Trung bình	Phần VII < 6
21	Nguyễn Đình	Nhất	7,25	7,00	7,50	7,00	7,50	6,25	7,50	7,50	7,50	7,00	8,50	7,58	7,37		7,37	Khá	
22	Nguyễn Quang	Huy	7,25	6,00	8,00	7,50	7,50	7,50	7,50	7,50	7,25	7,25	7,25	7,50	7,36		7,36	Khá	
23	Hứa Thị	Thu	7,50	7,00	6,50	7,00	6,75	7,00	7,75	8,00	8,00	8,00	7,50	7,17	7,32		7,32	Trung bình	TN phần III.2 < 6
24	Hoàng Thị	Hạnh	6,25	8,00	7,75	7,50	7,00	6,50	7,75	8,00	7,50	7,50	8,00	6,75	7,29		7,29	Trung bình	TN phần III.2 < 6
25	Trần Thị	Phương	6,75	7,00	7,50	7,50	7,25	7,00	7,50	8,00	7,25	8,00	6,50	7,25	7,29		7,29	Khá	
26	Nông Thanh	Luyến	6,50	7,00	7,50	7,75	6,75	8,00	8,00	8,00	7,00	7,25	7,00	7,00	7,27		7,27	Khá	
27	Hoàng Văn	Chinh	6,50	7,00	8,25	7,00	7,00	7,00	7,75	8,00	8,00	7,25	7,00	6,92	7,25		7,25	Khá	
28	Sầm Văn	Chát	6,75	7,00	8,00	7,50	8,00	7,00	7,00	7,00	7,50	7,50	6,25	7,33	7,25		7,25	Khá	
29	Hoàng Thị	Hồng	6,50	6,50	8,25	7,00	7,00	7,00	8,00	7,25	8,00	7,50	5,00	7,83	7,25		7,25	Trung bình	Phần VII < 6
30	Bùi Thanh	Nga	7,00	7,00	7,50	7,00	7,00	6,25	7,50	8,00	8,00	7,25	6,75	7,33	7,23		7,23	Khá	
31	Sầm Thị	Hoà	6,75	8,00	7,75	7,00	7,00	6,50	7,25	7,50	7,25	7,50	8,25	6,75	7,21		7,21	Trung bình	TN phần III.2 < 6
32	Hoàng Văn	Hưng	8,00	7,50	8,00	7,50	7,00	6,00	7,25	7,00	7,00	7,00	6,75	7,33	7,21		7,21	Khá	
33	Đinh Thị	Hà	7,75	7,50	8,00	7,50	7,25	6,25	7,50	8,00	7,00	7,25	5,00	7,25	7,20		7,20	Trung bình	Phần VII < 6
34	Hoàng Văn	Như	6,75	7,00	6,25	7,00	7,50	5,25	8,00	8,00	7,00	7,25	7,50	7,75	7,20		7,20	Trung bình	Phần IV < 6
35	Nguyễn Văn	Út	7,75	7,00	7,50	7,00	7,00	6,75	8,00	8,00	7,50	7,00	7,50	6,58	7,20		7,20	Trung bình	TN phần III.2 < 6
36	Lý Hồng	Lực	6,75	8,00	8,00	7,75	6,75	7,00	8,00	7,50	8,00	7,25	5,00	6,75	7,16		7,16	Trung bình	Phần VII < 6

Stt	Họ và tên		Phần I		Phần II	Phần III		Phần IV	Phần V			Phần VI	Điểm bài thu hoạch NCTT	Điểm viết TL, thi TN	Trung bình	Điểm cộng BCS	Trung bình cộng	Xếp loại	Ghi chú
			I.1	I.2		III.1	III.2		V.1	V.2	V.3								
37	Bùi Kim	Ngân	6,50	7,00	7,75	8,00	7,25	8,00	7,25	7,25	7,00	7,25	6,50	6,83	7,16		7,16	Khá	
38	Hoàng Đại	Lượng	7,00	7,00	7,00	8,00	7,50	6,00	7,75	7,50	7,25	7,50	6,50	7,00	7,14		7,14	Trung bình	TN phần III.2 <6
39	Hà Huy	Trường	7,50	6,50	7,00	7,00	7,00	7,00	7,50	7,00	7,00	7,50	7,50	7,08	7,12		7,12	Khá	
40	Hoàng Thị	Chuyên	6,75	7,00	7,50	7,00	7,00	7,25	7,50	7,00	7,00	8,00	7,50	6,67	7,11		7,11	Trung bình	TN phần III.2 <6
41	Hoàng Văn	Bền	6,75	7,00	7,50	7,00	6,75	6,75	7,50	6,50	7,00	7,50	7,00	7,25	7,07		7,07	Khá	
42	Hoàng Thị	Chuyên	7,00	7,00	7,25	7,50	7,00	7,00	7,50	7,00	7,50	7,50	5,00	7,17	7,05		7,05	Trung bình	Phần VII <6
43	Nguyễn Văn	Tuyến	7,00	7,00	7,50	7,50	7,50	6,50	7,25	7,50	7,50	7,25	5,75	6,83	7,05		7,05	Trung bình	Phần VII <6
44	Thảm Thị Ngọc	Vân	7,00	7,50	8,00	7,50	6,25	6,50	7,50	8,00	7,00	7,25	5,00	6,92	7,02		7,02	Trung bình	Phần VII <6
45	Nguyễn Trung	Dũng	7,50	7,00	7,00	7,50	7,00	6,75	6,50	7,50	7,50	6,50	8,00	6,50	7,02		7,02	Trung bình	TN phần III.2 <6
46	Hoàng Thị	Tước	7,25	6,50	7,50	8,00	7,25	6,00	7,25	8,00	7,25	7,25	5,00	7,00	7,02		7,02	Trung bình	Phần VII <6
47	Hà Mỹ	Hạnh	6,50	7,00	7,75	7,00	7,25	7,25	7,50	7,50	7,25	7,00	5,00	7,08	7,02		7,02	Trung bình	Phần VII <6
48	Lục Văn	Bảo	6,50	7,50	7,50	7,00	7,00	6,50	7,00	7,00	7,00	7,00	7,50	6,83	7,00		7,00	Khá	
49	Hoàng Đức	Trọng	6,50	6,50	7,50	7,00	7,50	7,00	7,50	7,50	8,00	7,50	6,00	6,42	6,98		6,98	Trung bình	
50	Hoàng Văn	Ích	7,25	8,00	7,50	6,75	6,50	6,00	7,50	7,00	7,25	7,00	7,00	6,50	6,95		6,95	Trung bình	
51	Lục Văn	Chung	7,00	6,00	8,00	7,00	6,75	5,75	7,25	7,50	6,75	7,50	7,25	6,75	6,93		6,93	Trung bình	
52	Lý Xuân	Năm	6,50	7,00	7,25	8,00	7,00	7,25	8,00	7,00	7,00	7,50	5,00	6,50	6,93		6,93	Trung bình	
53	Nguyễn Minh	Tuấn	7,00	6,50	8,25	7,00	7,50	7,00	7,25	7,00	7,00	7,25	5,00	6,75	6,93		6,93	Trung bình	
54	Hoàng Thị	Tuy	7,00	6,50	7,50	7,00	6,75	6,00	7,25	7,25	7,00	7,25	8,00	6,50	6,93		6,93	Trung bình	
55	Hoàng Việt	Bắc	6,25	7,00	6,75	7,00	6,50	6,50	7,25	7,50	7,00	7,50	5,75	7,33	6,93		6,93	Trung bình	
56	Lục Kiến	Quốc	7,50	7,50	7,00	6,50	7,25	5,00	7,50	8,00	7,00	7,50	6,50	6,42	6,89		6,89	Trung bình	

Stt	Họ và tên		Phần I		Phần II	Phần III		Phần IV	Phần V			Phần VI	Điểm bài thu hoạch NCTT	Điểm viết TL, thi TN	Trung bình	Điểm cộng BCS	Trung bình cộng	Xếp loại	Ghi chú
			I.1	I.2		III.1	III.2		V.1	V.2	V.3								
57	Ma Thị	Phương	6,75	6,00	7,50	6,50	6,50	6,00	7,50	7,50	7,00	7,75	7,25	6,67	6,88		6,88	Trung bình	
58	Hoàng Thúy	Hằng	7,75	7,00	6,50	6,50	6,50	6,50	7,00	8,00	6,75	6,00	7,00	6,75	6,84		6,84	Trung bình	
59	Hoàng Thị	Thảo	7,25	6,50	7,25	7,00	7,00	6,50	7,25	7,00	7,00	7,00	5,00	7,00	6,84		6,84	Trung bình	
60	Nguyễn Xuân	Thủy	7,00	6,50	7,25	7,00	7,00	6,25	7,50	6,75	7,25	7,00	6,50	6,58	6,84		6,84	Trung bình	
61	Nguyễn Văn	Tuân	6,50	7,00	7,50	7,50	6,50	7,25	6,50	7,50	7,00	7,25	6,50	6,17	6,82		6,82	Trung bình	
62	Hoàng Văn	Cường	6,75	6,50	7,00	8,00	7,00	6,00	7,50	7,00	7,25	7,00	5,00	6,83	6,82		6,82	Trung bình	
63	Triệu Mùi	Gén	6,75	6,00	7,00	7,00	6,50	6,00	7,50	7,00	8,00	7,00	6,00	6,83	6,80		6,80	Trung bình	
64	Triệu Văn	Họ	6,00	7,50	7,50	7,00	7,00	6,00	7,00	6,50	7,00	7,00	6,50	6,67	6,79		6,79	Trung bình	
65	Phạm Thế	Phương	6,50	6,50	7,00	6,50	6,00	7,25	8,00	7,00	7,00	7,50	7,00	6,25	6,79		6,79	Trung bình	
66	Hoàng Hải	Vân	5,50	6,00	7,50	7,00	7,25	7,00	7,25	6,50	6,75	7,00	7,00	6,75	6,79		6,79	Trung bình	
67	Hoàng Văn	Kế	7,00	6,50	7,25	7,00	6,75	6,00	7,00	7,00	6,75	6,75	6,50	6,58	6,73		6,73	Trung bình	
68	Lý Văn	Toàn	7,00	7,00	6,75	7,00	6,50	6,25	7,25	6,25	7,25	6,75	7,00	6,33	6,71		6,71	Trung bình	
69	Lèng Văn	Băng	6,50	6,50	5,00	7,00	6,50	7,00	7,00	7,25	6,50	7,00	7,50	6,42	6,64		6,64	Trung bình	
70	Phượng Chìu	Phin	7,00	6,00	7,00	7,00	6,50	6,25	7,25	6,25	7,25	7,00	6,25	6,42	6,64		6,64	Trung bình	
71	Đặng Thị	Tiêm	6,50	7,00	7,00	6,50	6,50	6,00	6,50	7,00	7,00	6,00	7,00	6,42	6,59		6,59	Trung bình	
72	Nguyễn Văn	Tiến	6,75	6,00	7,50	6,50	6,25	6,25	7,25	7,00	7,25	7,00	5,00	6,42	6,57		6,57	Trung bình	
73	Hoàng Văn	Toại	6,00	5,50	6,00	6,50	6,50	6,50	7,50	6,25	6,25	7,50	6,75	6,75	6,54		6,54	Trung bình	
74	Phượng Chòi	Lường	6,75	6,00	7,00	6,50	6,50	6,00	7,00	7,00	6,50	6,50	6,50	6,17	6,48		6,48	Trung bình	
75	Hoàng Văn	Vĩnh	6,00	6,00	5,00	7,00	6,75	5,50	7,25	7,50	6,50	7,00	7,00	5,75	6,34		6,34	Trung bình	
76	Nông Văn	Tạo	6,00	5,00	5,00	7,00	6,50	5,75	6,75	7,00	6,75	7,00	7,00	6,33	6,34		6,34	Trung bình	

Stt	Họ và tên		Phần I		Phần II	Phần III		Phần IV	Phần V			Phần VI	Điểm bài thu hoạch NCTT	Điểm viết TL, thi TN	Trung bình	Điểm cộng BCS	Trung bình cộng	Xếp loại	Ghi chú
			I.1	I.2		III.1	III.2		V.1	V.2	V.3								
77	Triệu Văn	Chiêu	6,25	6,50	5,25	6,50	5,50	6,00	7,00	7,00	6,50	7,00	6,00	6,25	6,30		6,30	Trung bình	
78	Hoàng Văn	Huyền	5,00	6,50	6,00	7,00	6,50	5,50	6,75	6,75	6,25	6,00	6,75	6,25	6,27		6,27	Trung bình	
79	Hoàng Minh	Thức	6,00	6,50	6,50	7,00	6,25	5,75	7,00	7,00	5,25	6,50	5,00	6,33	6,27		6,27	Trung bình	
80	Long Đức	Phòng	6,00	7,00	5,00	7,25	6,00	5,50	6,75	7,50	6,25	5,50	6,00	6,25	6,25		6,25	Trung bình	
81	Long Đức	Phô	5,50	6,00	5,00	7,00	7,00	6,50	6,75	7,00	6,25	6,00	6,25	5,75	6,18		6,18	Trung bình	
82	Hoàng Đức	Việt	5,75	6,00	6,50	6,50	5,75	5,00	7,25	6,00	6,75	5,00	6,25	6,17	6,09		6,09	Trung bình	

* Tổng số: 82 học viên

DANH SÁCH

**Học viên không được công nhận tốt nghiệp tại Hội đồng thi tốt nghiệp lớp
Trung cấp lý luận chính trị - hành chính B90 (hệ vừa làm vừa học) huyện Quang Bình**
(kèm theo Biên bản số: /BB-HĐXTN, ngày tháng 5 năm 2018)

Stt	Họ và tên	Phần I		Phần II	Phần III		Phần IV	Phần V			Phần VI	Điểm bài thu hoạch NCTT	Điểm viết TL, thi TN	Trung bình	Điểm cộng BCS	Trung bình cộng	Xếp loại	Ghi chú
		I.1	I.2		III.1	III.2		V.1	V.2	V.3								
1	Hoàng Trung Thuỷ	6,25	6,50	7,00	6,50	6,75	6,00	7,00	6,00	6,50	6,75	6,25	5,58	6,30		6,30	Yếu	
2	Hoàng Thanh Hà	5,25	7,50	5,00	6,50	7,25	5,50	7,00	7,00	7,00	7,00	7,00	5,00	6,21		6,21	Yếu	
3	Nguyễn Văn Sang	7,25	6,00	5,50	6,50	6,75	5,25	7,50	6,75	5,00	6,75	7,00	4,25	5,93		5,93	Yếu	

* Tổng số: 03 học viên